

Số: 96/TT-UBND

Sông Công, ngày 05 tháng 7 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn
2021-2025 và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Sông Công

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/NĐ-CP/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm (2021-2025) tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

UBND thành phố Sông Công trình Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ 14 xem xét về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung tổng nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ 27.337,5 triệu đồng lên 30.467,2 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 tăng từ 10.935 triệu đồng lên 14.250 triệu đồng, tăng 3.315 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng giảm từ 11.445 triệu đồng xuống 11.259,7 triệu đồng, giảm 185,3 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách thành phố đối ứng: 4.957,5 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số I kèm theo)

*** Lý do điều chỉnh, bổ sung:**

- Bổ sung nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho chương trình chuyên đề tại Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm (2021-2025) tỉnh Thái Nguyên số tiền là 2.165 triệu đồng và nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên số tiền là 1.150 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm nguồn vốn xi măng tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn năm 2022 số tiền là 185,3 triệu đồng do đơn giá đấu thầu xi măng năm 2022 giảm so với số dự kiến của UBND tỉnh *(Giảm từ 1.500.000đ/tấn xuống 1.345.600 đồng/tấn)*

2. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công:

Tổng số: 27.152,2 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương: 10.935 triệu đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh đối ứng: 11.259,7 triệu đồng.

- Vốn ngân sách thành phố đối ứng: 4.957,5 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số II kèm theo)

3. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công số tiền là: 3.315 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương: 3.315 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số III kèm theo)

Trên đây là Tờ trình đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Các đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VP, TCKH.

Tramnn.BC.....b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Duy Nghĩa

PHỤ LỤC SỐ I: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số: 96 /TTr-UBND ngày 15/7/2023 của UBND thành phố Sông Công)

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025				Ghi chú
		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đã phân bổ	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
	TỔNG CỘNG	27.337,5	3.315,0	185,3	30.467,2	
1	Vốn ngân sách Trung ương	10.935,0	3.315,0	0,0	14.250,0	
-	Xã Bình Sơn	3.645,00	1.597,00		5.242,00	
-	Xã Tân Quang	3.645,00	806,00		4.451,00	
-	Xã Bá Xuyên	3.645,00	912,00		4.557,00	
2	Nguồn ngân sách địa phương	16.402,5	0,0	185,3	16.217,2	
*	Ngân sách tỉnh đối ứng	11.445,0	0,0	185,3	11.259,7	
-	Xã Bình Sơn	4.015,0		61,8	3.953,24	
-	Xã Tân Quang	3.415,0		61,8	3.353,24	
-	Xã Bá Xuyên	4.015,0		61,8	3.953,24	
*	Ngân sách thành phố đối ứng	4.957,5	0,0	0,0	4.957,5	
-	Xã Bình Sơn	1.652,5			1.652,50	
-	Xã Tân Quang	1.652,5			1.652,50	
-	Xã Bá Xuyên	1.652,5			1.652,50	

**PHỤ LỤC SỐ II: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ MỨC VỐN HỖ TRỢ CHO TỪNG DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NITQG XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Tờ trình số: 96 /TTr-UBND ngày 17/2023 của UBND thành phố Sông Công)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư/GIA trị quyết toán		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2023						Chủ đầu tư	Ghi chú		
				Tổng cộng các nguồn vốn	Trong đó: Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh đối ứng		Ngân sách thành phố hỗ trợ	Tổng số	NSTW	Ngân sách nhà nước hỗ trợ		Ngân sách thành phố hỗ trợ		Ngân sách nhà nước hỗ trợ		Ngân sách thành phố hỗ trợ					
								Xi măng	Tiền				Xi măng	Tiền	Xi măng	Tiền	Xi măng	Tiền	Xi măng	Tiền				
	TỔNG CỘNG			33.129,12	27.152,23	27.152,22	10.935,00	6.864,72	4.395,00	4.957,50	4.667,30	3.007,00	1.542,83	-	546,04	-	7.746,74	5.060,00	1.871,86	-	-	814,89		
I	XÃ BÌNH SƠN (13 dự án)			12.099,95	9.250,74	9.250,74	3.645,00	2.488,24	1.465,00	1.652,50	1.540,64	1.002,40	538,24	-	500,43	-	3.101,49	1.686,60	600,00	-	-	814,89		
I.1	Công trình đã phê duyệt quyết toán			2.088,20	1.353,13	1.353,13	-	538,24	-	814,89	538,24	-	538,24	-	-	-	814,89	-	-	-	-	814,89		
1	Đường bê tông xóm Na Vằng, xã Bình Sơn (đoạn từ cầu Một đi nghĩa trang Vai Hồng) -	Xã Bình Sơn	Năm 2022	432,93	303,05	303,05		110,07		192,98	110,07		110,07				192,98					192,98	UBND xã Bình Sơn	
2	Đường bê tông xóm Linh Sơn 1, xã Bình Sơn (đoạn từ nghĩa trang Vai Hồng đi nhà ông Tuấn)	Xã Bình Sơn	Năm 2022	709,60	496,72	496,72		184,62		312,11	184,62		184,62				312,11					312,11	UBND xã Bình Sơn	
3	Đường bê tông xóm Bà Văn 5, xã Bình Sơn (đoạn từ đường WB3 đi đường bê tông hiện trạng)	Xã Bình Sơn	Năm 2022	401,30	280,91	280,91		136,04		144,87	136,04		136,04				144,87					144,87	UBND xã Bình Sơn	
4	Đường bê tông xóm Kim Long 2, xã Bình Sơn (đoạn từ nhà ông Truân đi đường bê tông đi xóm Lát Đá)	Xã Bình Sơn	Năm 2022	280,09	168,05	168,05		97,29		70,77	97,29		97,29				70,77					70,77	UBND xã Bình Sơn	
5	Đường bê tông xóm Bà Văn 1, xã Bình Sơn (đoạn từ NVII xóm đi công bà Sang)	Xã Bình Sơn	Năm 2022	264,28	104,39	104,39		10,23		94,17	10,23		10,23				94,17					94,17	UBND xã Bình Sơn	
1.2	Dự án chuyển tiếp			2.966,10	2.372,93	2.372,93	1.620,40	-	-	752,53	1.002,40	1.002,40	-	-	500,43	-	618,00	618,00	-	-	-	-		
6	Xây dựng đường bê tông xóm Tiến Tiến, xã Bình Sơn (đoạn từ ngã ba nhà bà Sở đi Khô Lim)	Xã Bình Sơn	Năm 2022 - 2023	2.966,10	2.372,93	2.372,93	1.620,40			752,53	1.002,40	1.002,40			500,43		618,00	618,00					UBND xã Bình Sơn	
I.3	Dự án khởi công mới năm 2023-2025			7.045,65	5.524,68	5.524,68	2.024,60	1.950,00	1.465,00	85,88	-	-	-	-	-	-	1.668,60	1.048,60	600,00	-	-	-		
7	Đường bê tông liên xóm Xuân Đình 3, xã Bình Sơn (đoạn từ cầu Cầu Rơm đi đường bê tông hiện trạng xóm Na Vằng)	Xã Bình Sơn	Năm 2023 - 2024	1.547,10	1.173,28	1.173,28	888,90	260,10		24,28							1.149,00	888,90	260,10				UBND xã Bình Sơn	
8	Đường bê tông liên xóm Bình Định 2, xã Bình Sơn (đoạn từ ngã ba đường bê tông hiện trạng xóm Bà Văn 2 đi cầu cống Bình Định 2)	Xã Bình Sơn	Năm 2023 - 2024	1.102,50	789,68	789,68	552,40	216,70		20,58							396,40	179,70	216,70				UBND xã Bình Sơn	
9	Đường bê tông liên xóm Kim Long 2, xã Bình Sơn (đoạn từ ngã ba cầu cống Khô Lim đi ngã ba nhà ông Dũng xóm Kim Long 2)	Xã Bình Sơn	Năm 2023 - 2024	1.571,55	1.257,22	1.257,22	194,40	450,00	572,50	40,22							123,20		123,20				UBND xã Bình Sơn	
10	Đường bê tông liên xóm Kim Long 1, xã Bình Sơn (đoạn từ ngã ba nhà ông Dũng xóm Kim Long 2 đi đình xóm Khô)	Xã Bình Sơn	Năm 2024 - 2025	1.569,88	1.300,80	1.300,80	194,40	534,00	572,40								-						UBND xã Bình Sơn	
11	Đường bê tông liên xóm Linh Sơn 1, xã Bình Sơn (đoạn từ đình xóm Khô đi đường WB3)	Xã Bình Sơn	Năm 2024 - 2025	1.234,63	1.003,70	1.003,70	194,40	489,20	320,10								-						UBND xã Bình Sơn	
II	XÃ BÀ XUYỀN (23 dự án)			18.807,94	9.250,74	9.250,74	3.645,00	2.488,24	1.465,00	1.652,50	1.556,56	1.002,30	528,65	-	16,01	-	2.296,25	1.686,70	609,55	-	-	-		
II.1	Công trình đã phê duyệt quyết toán			1.759,68	1.396,80	1.396,80	935,93	444,86	-	16,01	1.250,21	789,30	435,30	-	16,01	-	156,18	146,63	9,55	-	-	-		
1	Đường bê tông xóm La Cảnh 1, xã Bà Xuyền (đoạn từ ngã ba nhà văn hóa đến ngã ba đi cánh đồng La Mỏ)	Xã Bà Xuyền	Năm 2022	410,76	328,61	328,61	227,28	101,32		313,93	212,60	101,32					14,68	14,68					UBND xã Bà Xuyền	
2	Đường bê tông xóm Dó, xã Bà Xuyền (đoạn từ Nhà văn hóa đến đường DT262)	Xã Bà Xuyền	Năm 2022	297,42	237,94	237,94	156,12	81,81		181,81	100,00	81,81					56,12	56,12					UBND xã Bà Xuyền	
3	Đường bê tông xóm Dó, xã Bà Xuyền (đoạn từ Nhà văn hóa đến ngã ba cầu cống xóm ông Tuấn)	Xã Bà Xuyền	Năm 2022	312,25	249,80	249,80	176,87	72,93		247,93	175,00	72,93					1,87	1,87					UBND xã Bà Xuyền	

T.T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư/Giá trị quyết toán		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Kế hoạch vốn năm 2022						Kế hoạch vốn năm 2023						Chủ đầu tư	Ghi chú
												Ngân sách nhà nước hỗ trợ						Ngân sách nhà nước hỗ trợ							
				Tổng cộng các nguồn vốn	Trong đó: Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách tỉnh đối ứng		Ngân sách thành phố hỗ trợ	Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh hỗ trợ		Ngân sách thành phố hỗ trợ		Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh hỗ trợ		Ngân sách thành phố hỗ trợ				
								Xi măng	Tiền				Xi măng	Tiền	Xi măng	Tiền			Xi măng	Tiền	Xi măng	Tiền			
4	Đường bê tông xóm Chùa, xã Bá Xuyên (đoạn từ công nhà ông Toàn đi đống Cây Sậy)	Xã Bá Xuyên	Năm 2022	122,29	97,84	97,84	63,39	34,45			89,45	55,00	34,45			8,39	8,39					UBND xã Bá Xuyên			
5	Đường bê tông xóm Chùa, xã Bá Xuyên (đoạn từ ngã ba Lỗ Thò đi công kênh kho (tổ))	Xã Bá Xuyên	Năm 2022	197,95	158,36	158,36	106,02	52,34			142,34	90,00	52,34			16,02	16,02					UBND xã Bá Xuyên			
6	Đường bê tông xóm Chùa, xã Bá Xuyên (đoạn từ đường Lã Hồng Phong đến đường bê tông hiện trạng)	Xã Bá Xuyên	Năm 2022	81,22	64,97	64,97	42,37	22,61			62,61	40,00	22,61			2,37	2,37					UBND xã Bá Xuyên			
7	Đường bê tông xóm Ao Càng, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mặt đường (đoạn từ bàu kênh đến cầu Đông Diên)	Xã Bá Xuyên	Năm 2022	178,24	142,59	142,59	93,75	48,85			142,59	93,75	48,85			-						UBND xã Bá Xuyên			
8	Đường bê tông xóm Chồ, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mặt đường (đoạn đường bê tông hiện trạng - cảnh đống Sỏi Sậy)	Xã Bá Xuyên	Năm 2022	50,05	40,04	40,04	22,95	17,09			40,04	22,95	17,09			-						UBND xã Bá Xuyên			
9	Đường bê tông xóm La Cánh 1, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ nhà bà Dịp đến nhà ông Minh)	Xã Bá Xuyên	Năm 2022	109,51	76,65	76,65	47,19	13,46	16,01	29,51	-	3,90		16,01		56,74	47,19	9,55				UBND xã Bá Xuyên			
11.2	Dự án hoàn thành			407,10	314,10	314,10	220,75	93,35	-	-	306,35	213,00	93,35	-	-	7,75	7,75	-	-	-	-				
10	Đường bê tông xóm La Cánh 2, xã Bá Xuyên (đoạn từ công nhà ông Hồng đến công nhà ông Chiêm)	Xã Bá Xuyên	Năm 2022	407,10	314,10	314,10	220,75	93,35			306,35	213,00	93,35			7,75	7,75					UBND xã Bá Xuyên			
11.3	Dự án khởi công mới năm 2023-2025			8.641,16	7.539,85	7.539,85	2.488,33	1.950,84	1.465,08	1.636,49	-	-	-	-	-	2.132,33	1.531,33	600,00	-	-	-				
11	Đường bê tông xóm Xứ Đào, xã Bá Xuyên (đoạn từ đường Vũ Xuân đến ranh giới KĐT 1A Bá Xuyên)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	161,44	120,70	120,70	82,00	38,70			-					120,70	82,00	38,70				UBND xã Bá Xuyên			
12	Đường bê tông xóm Dỏ, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ nhà ông Hữu đến công nhà ông Dương xóm Chùa)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	377,25	261,85	261,85	190,00	71,85			-					261,88	190,03	71,85				UBND xã Bá Xuyên			
13	Đường bê tông xóm Dỏ, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ đường B1762 qua công ông Toàn đến công ông Dương xóm chùa)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	462,91	370,10	370,10	275,00	95,10			-					370,10	275,00	95,10				UBND xã Bá Xuyên			
14	Đường bê tông xóm Lý Nhân, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ ngã ba đống 1 mẫu đi cụt đến cơ Nu Phá)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	505,17	413,75	413,75	308,30	105,45			-					413,75	308,30	105,45				UBND xã Bá Xuyên			
15	Đường bê tông xóm Chông Nà, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mặt đường (đoạn từ đống cây Trâm đến công ông Văn)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	250,00	216,45	216,45	150,00	66,45			-					216,45	150,00	66,45				UBND xã Bá Xuyên			
16	Đường bê tông xóm Chông Nà, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mặt đường (đoạn từ công ông Tuấn đi đống Hà)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	126,00	108,60	108,60	75,00	33,60			-					108,60	75,00	33,60				UBND xã Bá Xuyên			
17	Đường bê tông xóm Xứ Đào, xã Bá Xuyên, Hạng mục: mặt đường (Đoạn từ đường Vũ Xuân đến giáp trường THCS Bá Xuyên	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	148,18	114,99	114,99	81,09	33,90			-					114,99	81,09	33,90				UBND xã Bá Xuyên			
18	Đường bê tông xóm La Cánh 1, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ nhà bà Dịp đến nhà ông Được, đoạn từ nhà ông Sắc đến nhà ông Hòa)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	595,91	525,85	525,85	370,90	154,95			-					525,85	370,90	154,95				UBND xã Bá Xuyên			
19	Đường bê tông xóm Ao Càng, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ công làng Ao Càng đến nhà ông Đào)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	807,30	684,44	684,44	-	235,04		449,40	-					-						UBND xã Bá Xuyên			
20	Đường diện chiếu sáng đường Vũ Xuân (Cmyn công nghiệp Bá Xuyên đi xóm Ao Càng)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	2.000,00	1.930,03	1.930,03	956,03	45,00	929,00		-					-						UBND xã Bá Xuyên			
21	Đường bê tông xóm Lý Nhân, xã Bá Xuyên, Hạng mục: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ Nhà văn hóa xóm Lý Nhân đi xóm Nu Châm)	Xã Bá Xuyên	Năm 2023 - 2025	407,00	386,66	386,66	-	200,00	186,66		-					-						UBND xã Bá Xuyên			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Dự kiến tổng mức đầu tư/Giá trị quyết toán		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch vốn năm 2022						Kế hoạch vốn năm 2023						Chủ đầu tư	Ghi chú				
											Ngân sách nhà nước hỗ trợ								Ngân sách nhà nước hỗ trợ									
											Ngân sách tỉnh đối ứng				Ngân sách thành phố hỗ trợ				Ngân sách tỉnh hỗ trợ						Ngân sách thành phố hỗ trợ			
				Tổng cộng các nguồn vốn	Trong đó: Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ	Tổng cộng	NSTW	Xí măng	Tiền	Ngân sách thành phố hỗ trợ	Tổng số	NSTW	Xí măng	Tiền	Xí măng	Tiền	Tổng số	NSTW	Xí măng	Tiền	Xí măng	Tiền						
22	Đường bê tông xóm Đổ, xã Bà Xuyên; Hạng mục: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ công bà Tâm đến kênh N1256)	Xã Bà Xuyên	Năm 2023 - 2025	300,00	260,00	260,00	-	120,00		140,00						-							UBND xã Bà Xuyên					
23	Chu Dai xóm Lý Nhân đi xóm Ao Càng	Xã Bà Xuyên	Năm 2023 - 2025	2.500,00	2.146,43	2.146,43	-	750,00	349,34	1.047,09	-					-							UBND xã Bà Xuyên					
III	XÃ TÂN QUANG (10 dự án)			10.221,23	8.650,74	8.650,74	3.645,00	1.898,24	1.465,00	1.652,50	1.570,10	1.802,30	475,94	-	29,60	-	2.349,80	1.686,70	662,30	-	-	-						
III.1	Công trình đã phê duyệt quyết toán			1.594,72	1.116,30	1.116,30	548,46	538,24	-	29,60	567,80	-	475,94	-	29,60	-	610,76	548,46	62,30	-	-	-						
1	Đường bê tông xóm Đồng Tiến, xã Tân Quang; Hạng mục mở rộng mặt đường	Xã Tân Quang	Năm 2022	599,37	419,56	419,56	195,52	224,04			224,00		161,74				257,82	195,52	62,30				UBND xã Tân Quang					
2	Đường bê tông xóm Lăng Dũ, xã Tân Quang; hạng mục: Mở rộng mặt đường (Đoạn từ công nhà bà Dược đến đường D11-04)	Xã Tân Quang	Năm 2022	269,97	188,98	188,98	99,90	89,08			89,08		89,08				99,90	99,90					UBND xã Tân Quang					
3	Đường bê tông xóm Tân Thành 1, xã Tân Quang; Hạng mục mở rộng mặt đường (Đoạn từ Quốc lộ 3 đến công nhà ông Sơn)	Xã Tân Quang	Năm 2022	183,13	128,19	128,19	63,60	64,59			64,59		64,59				63,60	63,60					UBND xã Tân Quang					
4	Đường bê tông xóm Tân Thành 1, xã Tân Quang; Hạng mục mở rộng mặt đường (Đoạn từ nhà bà Dung Sinh đến công nhà bà Hương)	Xã Tân Quang	Năm 2022	432,77	302,94	302,94	151,97	150,98			150,98		150,98				151,97	151,97					UBND xã Tân Quang					
5	Đường bê tông xóm Tân Tiến, xã Tân Quang; Hạng mục mở rộng mặt đường (Đoạn đường hiện trạng đến công nhà ông Hiến)	Xã Tân Quang	Năm 2022	109,47	76,63	76,63	37,47	9,55		29,60	39,16		9,55		29,60		37,47	37,47					UBND xã Tân Quang					
III.2	Dự án hoàn thành			1.318,00	1.054,44	1.054,44	1.054,44	-	-	-	1.002,30	1.002,30	-	-	-	-	52,14	52,14	-	-	-	-						
6	Sửa chữa, nâng cấp đường trục xã (Đoạn từ công bà Viên đến cầu Tân Tiến)	Xã Tân Quang	Năm 2022	1.318,00	1.054,44	1.054,44	1.054,44				1.002,30	1.002,30					52,14	52,14					UBND xã Tân Quang					
III.3	Dự án khởi công mới năm 2023-2025			7.308,51	6.480,00	6.480,00	2.842,10	1.350,00	1.465,00	1.622,90	-	-	-	-	-	-	1.686,10	1.086,10	600,00	-	-	-						
7	Cải tạo sân trung tâm văn hoá thể thao của xã bao gồm các hạng mục: Sân ném, sân cò nhân tạo, sân bóng đá mới, khán đài có mái che, hàng rào rào, đường chạy, công, hàng rào trước	Xã Tân Quang	Năm 2023 - 2025	3.040,00	2.888,05	2.888,05	2.042,10	180,60	665,35		-						1.266,70	1.086,10	180,60				UBND xã Tân Quang					
8	Đường bê tông xóm Bãi Lái; Hạng mục: Mở rộng mặt đường (đoạn từ công nhà ông Thọ đến nghĩa trang Ao Láng)	Xã Tân Quang	Năm 2023 - 2025	799,38	559,60	559,60	-	271,35	288,25		-						271,35		271,35				UBND xã Tân Quang					
9	Đường bê tông xóm Đồng Tiến; Hạng mục: Mặt đường (đoạn từ công cháu 19 đến công nhà ông Thường)	Xã Tân Quang	Năm 2023 - 2025	449,10	314,37	314,37	-	148,05	166,32		-						148,05	-	148,05				UBND xã Tân Quang					
10	Đường liên xã Tân Quang đoạn từ ngã tư đường đến NVII xóm Bãi Lái (giúp công ty Dongwha); Hạng mục: Cải tạo mặt đường, rãnh thoát nước	Xã Tân Quang	Năm 2024 - 2025	3.020,03	2.717,98	2.717,98	-	750,00	345,08	1.622,90	-						-						UBND xã Tân Quang					

**PHỤ LỤC III. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo tờ trình số: *96* /TTr-UBND ngày *5* /7/2023 của UBND thành phố Sông Công)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn phân bổ			Ghi chú
			Tổng cộng	Vốn các chương trình chuyên đề	Vốn hỗ trợ cấp xã	
	<u>Tổng số</u>		3.315	2.395	920	
1	Dự án cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	1507	1200	307	Nhiệm vụ cấp nước sạch nông thôn theo chuyên đề tăng cường BVMT, ATTP và cấp nước sạch NT trong xây dựng NTM
2	Xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh cho hộ nghèo xã Bình Sơn	UBND xã Bình Sơn	90	90		Nhiệm vụ công tác vệ sinh theo chuyên đề tăng cường BVMT, ATTP và cấp nước sạch NT trong xây dựng NTM
3	Công trình tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn xã Bá Xuyên	UBND xã Bá Xuyên	912	605	307	Chuyên đề tăng cường BVMT, ATTP và cấp nước sạch NT trong xây dựng NTM (xây bờ kè, trồng cây xanh, làm rào chắn, cải tạo cảnh quan, khôi phục chất lượng môi trường nước ở 2 hồ điều hòa xóm Bãi Hát và xóm La Cảnh 2)
4	Công trình tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn xã Tân Quang	UBND xã Tân Quang	806	500	306	Chuyên đề tăng cường BVMT, ATTP và cấp nước sạch NT trong xây dựng NTM

Số: /NQ-HĐND

Sông Công, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển
giai đoạn 2021 - 2025 và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư
phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Sông Công**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi
bổ sung một số điều của Nghị định số 27/NĐ-CP/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xây dựng
nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2021 của Hội đồng nhân
dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn
tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh
Thái Nguyên quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục
tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Thái
Nguyên về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai
đoạn 5 năm (2021-2025) tỉnh Thái Nguyên;*

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /7/2023 của UBND thành phố về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung tổng nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ 27.337,5 triệu đồng lên 30.467,2 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 tăng từ 10.935 triệu đồng lên 14.250 triệu đồng, tăng 3.315 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng giảm từ 11.445 triệu đồng xuống 11.259,7 triệu đồng, giảm 185,3 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách thành phố đối ứng: 4.957,5 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số I kèm theo)

2. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công:

Tổng số: 27.152,2 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương: 10.935 triệu đồng.
- Vốn ngân sách tỉnh đối ứng: 11.259,7 triệu đồng.
- Vốn ngân sách thành phố đối ứng: 4.957,5 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số II kèm theo)

3. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thành phố Sông Công số tiền là: 3.315 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương: 3.315 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số III kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sông Công khóa VIII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh Thái Nguyên;
 - UBND tỉnh Thái Nguyên;
 - Thường trực Thành ủy;
 - Thường trực HĐND thành phố;
 - Lãnh đạo UBND thành phố;
 - Các đại biểu HĐND thành phố;
 - Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
 - TT HĐND, UBND các xã, phường;
 - Lưu: VT.TH b.
- (Luyenlt.NQ.K6).

CHỦ TỊCH**Hoàng Thái Cường**